

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Nhi.

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Dur Hoài T**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **A ấp B, xã T, TP., tỉnh Tiền Giang.**

2- Bị đơn: Anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: **I ấp B, xã T, TP., tỉnh Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Dur Hoài T** trình bày: Chị và anh **S** tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M ngày 11/02/2014. Sau kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, đã nhiều lần cho anh **S** cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, anh, chị đã ly thân từ tháng 04 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Hồ Dur Gia A**, sinh ngày 25/8/2014, chị **Thương yêu C** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **S** cấp

dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **S** vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Thương**. Anh **S** vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh **S** không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T** và cũng không tham dự các phiên hòa giải, phiên tòa, cho thấy anh **S** không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Dương Hoài T1** và anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**. Về con chung: Giao cháu **Hồ Dư Gia A**, sinh ngày 25/8/2014 cho chị **T1** nuôi dưỡng, anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị **T1** trình bày không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Dư Hoài T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **Dư Hoài T**, anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị **Dư Hoài T** và anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, thành phố **M** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/02/2014, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị **Dư Hoài T**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **T** và anh **S** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, thành phố **M** ngày 11/02/2014. Theo trình bày của chị **T** sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, anh, chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**.

Xét thấy, trong thời gian ly thân chị **T**, anh **S** không có biện pháp nào đoàn tụ, hiện mỗi người sống một nơi. Anh **S** thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T** và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý kiến về việc chị **T** yêu cầu ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị **T** và anh **S** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **Thương yêu C** được ly hôn với anh **S** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên **Hồ Dư Gia A**, sinh ngày 25/8/2014, chị **Thương yêu C** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh **S** thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Xét cháu **Gia A** có nguyện vọng được sống chung với chị **T**, để ổn định cuộc sống tâm sinh lý của cháu **Gia A**. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị **T**. Giao cháu **Hồ Dư Gia A** cho chị **T** nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị **T** trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị **T** trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Dư Hoài T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dư Hoài T**.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Dư Hoài T** và anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Hồ Dư Gia A**, sinh ngày 25/8/2014 cho chị **Dư Hoài T** nuôi dưỡng. Anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** chưa yêu cầu.

Anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Dur Hoài T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006263 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị **Dur Hoài T** nộp xong án phí.

Chị **Dur Hoài T**, anh **Hồ Tấn Lê Ngọc S** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS **TP . Mỹ Tho**;
- UBND xã Tân Mỹ Chánh, **TP . Mỹ Tho, Tiền Giang**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

Đinh Thị Sang